

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÙI THỊ MƠ

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS.ĐÀO HỮU HÒA**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Trường Sơn

Phản biện 2: TS. Đoàn Hồng Lê

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 10 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công nghiệp là một bộ phận trong cơ cấu của nền kinh tế quốc dân và được đánh giá là ngành kinh tế chủ đạo, sự phát triển công nghiệp có ý nghĩa quan trọng, đóng góp và tạo ra thu nhập cho đất nước, của cải cho xã hội, tích lũy vốn cho phát triển, là động lực thúc đẩy cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

Thời gian qua, Đắk Lắk cũng như các tỉnh khác được nhà nước quan tâm đầu tư thông qua các Nghị quyết số 10-NQ/TW và Quyết định 168/2001/QĐ-TTg cùng một số chính sách ưu đãi khác. Đến nay, công nghiệp của Đắk Lắk đã hình thành được một hệ thống khá đồng bộ gồm các ngành sản xuất và phân phối điện nước, khai thác mỏ, đặc biệt là công nghiệp chế biến. Nhiều cơ sở công nghiệp có quy mô vừa và tương đối hiện đại được xây dựng và đưa vào sản xuất như: Chế biến cà phê, đường mía, tinh chế gỗ, cán bông, sản xuất vật liệu xây dựng...

Tuy có bước phát triển, song ngành công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn: trang thiết bị và trình độ công nghệ còn lạc hậu; sản phẩm phần nhiều là sơ chế nên giá trị không cao; các doanh nghiệp nhà nước chậm đổi mới, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; thiếu đầu tư lớn; cơ sở hạ tầng các khu cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn chỉnh; cơ chế chính sách chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư ... Để phát triển công nghiệp ổn định, thì cần phải phân tích rõ tình hình hiện nay và có những giải pháp cũng như định hướng phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp của tỉnh phát triển tương xứng với tiềm năng. Chính vì vậy, tôi xin chọn vấn đề: ***“Phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*** làm đề tài cho luận văn cao học, chuyên ngành Kinh tế Phát triển của mình. Hy vọng rằng, Luận văn sẽ có những đóng góp nhất định trong việc tìm kiếm các giải pháp

nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hướng đến mục tiêu CNH, HĐH theo định hướng phát triển mà Tỉnh đã đề ra.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển công nghiệp trên địa bàn một địa phương;

- Làm rõ thực trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2008 – 2014;

- Đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk và các lĩnh vực hoạt động có liên quan;

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về thời gian: Đánh giá tình hình phát triển công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2008 – 2014 và đề ra các giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp trong giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030.

- Về nội hàm nghiên cứu: Luận văn chỉ đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các chính sách và giải pháp của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc.

- Các phương pháp thống kê mô tả và phương pháp thống kê phân tích.

- Nguồn số liệu sử dụng trong đề tài là dữ liệu thứ cấp: Kế thừa các

công trình nghiên cứu trước đó, tổng hợp các nguồn số liệu thông qua niên giám thống kê, các báo cáo, tổng kết của các sở, ngành trong tỉnh và lấy thông tin qua các phương tiện đại chúng: tạp chí, internet...

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển công nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Kenichi Ohno và Nguyễn Văn Thường (2005), *Hoàn thiện chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam*, NXB Lý luận chính trị.

Mai Thị Thanh Xuân (2011), “*Một số mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và Việt Nam*”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quốc Trung và Linh Chi (2002), “*Phát triển công nghiệp Việt Nam: thực trạng và thách thức*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 294.

Hoa Hữu Lân (2011), “*Con đường hiện đại hoá của Hàn Quốc*”, NXB Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu tác giả còn tham khảo một số luận văn cao học được thực hiện tại Đại học Đà Nẵng và các trường đại học khác trong nước trong khoảng thời gian từ 2013 – 2014 liên quan đến vấn đề phát triển công nghiệp tại các địa phương.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA SXCN

1.1.1. Một số khái niệm

a. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất ở quy mô lớn trong đó sản phẩm được tạo ra thông qua quá trình “chế tạo, chế biến” nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trực tiếp hoặc phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến tiếp theo.

b. Phát triển công nghiệp

Khái niệm phát triển công nghiệp: Phát triển công nghiệp thể hiện quá trình thay đổi của nền công nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó và thường đạt ở mức độ cao hơn cả về lượng và về chất.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp

- Tính chất hai giai đoạn của quá trình sản xuất
- Sản xuất công nghiệp có khả năng thực hiện chuyên môn hoá sản xuất sâu và hiệp tác hoá sản xuất rộng.
- Sản xuất công nghiệp có xu hướng phân bố ngày càng tập trung cao độ theo lãnh thổ
- Đặc điểm công nghệ sản xuất: công nghệ sản xuất trong công nghiệp do con người tạo ra.

- Đặc điểm về sự biến đổi các đối tượng lao động

1.1.3. Vai trò của công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế

- Công nghiệp tăng trưởng nhanh và làm gia tăng thu nhập quốc gia
- Công nghiệp là ngành cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế
- Công nghiệp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp
- Công nghiệp cung cấp hàng tiêu dùng cho đời sống nhân dân

- Công nghiệp thu hút lao động nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm xã hội

- Công nghiệp tạo ra hình mẫu ngày càng hoàn thiện về tổ chức sản xuất.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng quy mô sản xuất công nghiệp

Tiêu chí phản ánh phát triển về quy mô sản xuất của các doanh nghiệp như sau:

- + *Tốc độ tăng số lượng các doanh nghiệp công nghiệp*
- + *Sản lượng sản xuất bình quân của doanh nghiệp công nghiệp*
- + *Tốc độ tăng tổng sản lượng sản xuất của ngành công nghiệp*

1.2.2. Gia tăng giá trị tổng sản lượng của toàn ngành công nghiệp

1.2.3. Gia tăng quy mô các nguồn lực của ngành công nghiệp

- ◆ Quy mô về vốn:
- ◆ Về nguồn nhân lực:
- ◆ Về thiết bị và công nghệ:

1.2.4. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

- a. Chuyển dịch cơ cấu ngành*
- b. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế*
- c. Chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ*

1.2.5. Đổi mới công nghệ sản xuất

1.2.6. Phát triển thị trường công nghiệp

1.2.7. Điều kiện tự nhiên

1.2.8. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.9. Môi trường thể chế

- a. Hệ thống pháp luật*
- b. Đường lối phát triển công nghiệp*

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

b. Địa hình

c. Khí hậu

d. Tài nguyên khoáng sản

e. Tài nguyên rừng

2.1.2. Điều kiện kinh tế

Quy mô và xu hướng phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến phát triển công nghiệp. Đối với tỉnh Đắk Lắk, trong những năm qua quy mô nền kinh tế của Tỉnh luôn duy trì tốc độ tăng cao và liên tục qua các năm, trung bình từ 7% - 9%. Đặc biệt năm 2011, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đã tăng lên 9,62% do năm 2011 KCN Hòa Phú chính thức đi vào hoạt động.

Bảng 2.1 : Tăng trưởng kinh tế và GDP/người của tỉnh Đắk Lắk

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
GDP/người (triệu đồng/ năm)	11726	12865	15786	22467	24876	28453	29986
Tăng trưởng (%)	5.58	9.16	8.63	9.62	7.30	6.03	5.91

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk)

Trong giai đoạn 2008 - 2014, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của GDP, GDP bình quân đầu người tỉnh Đắk Lắk cũng tăng mạnh qua các năm, từ 11,726 triệu đồng năm 2008 lên 29,986 triệu đồng năm 2014.

Bảng 2.2: Giá trị tổng sản phẩm của tỉnh Đắk Lắk

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	Tốc độ tăng BQ (%)
Tổng sản phẩm (giá so sánh 2010)	23.346	25.484	27.684	30.347	32.562	34.524	36.652	8,16
- Nông - lâm - ngư nghiệp	12.633	13.342	13.906	14.629	15.201	15.636	15.873	4.45
- Công nghiệp - xây dựng	3.291	3.7	4.361	5.146	5.604	5.86	5.587	12.22
- Dịch vụ	7.422	8.442	9.417	10.572	11.757	13.028	13.917	11.95

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk)

Qua bảng 2.2 cho thấy giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tăng liên tục qua các năm. Năm 2008 giá trị tổng sản phẩm toàn tỉnh đạt 23.346 tỷ đồng, năm 2009 đạt 25.484 tỷ đồng, đến năm 2014 đạt 36.652 tỷ đồng, tăng 13.306 tỷ đồng so với năm 2008. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008 – 2014 đạt 8,16%, cao hơn mức tăng bình quân của cả nước cùng thời kỳ. Trong đó: ngành nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,45%; công nghiệp - xây dựng tăng 12,22%; dịch vụ tăng 11,95%.

2.1.3. Điều kiện xã hội

Đắk Lắk là một địa phương thuộc khu vực Tây Nguyên, với dân số đến năm 2014 là 1,82 triệu người, trong đó lao động là khoảng 1,08 triệu người. Cơ cấu lao động chủ yếu tham gia sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp chiếm trên 68%, ngành dịch vụ chiếm khoảng 23%, ngành công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm khoảng 9%. Với đặc điểm cơ cấu lao động làm việc trong các ngành ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm dần sẽ là cơ hội để các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

thu hút nguồn lao động dồi dào cho phát triển.

Bảng 2.3: Lao động và cơ cấu sử dụng lao động tỉnh Đắk Lắk

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014
1. LĐ đang làm việc trong các ngành KT	Người	954.090	981.270	1.006.103	1.048.201	1.082.895
- Nông - lâm - ngư nghiệp	Người	658.608	674.623	689.133	713.968	742.871
- Công nghiệp - xây dựng	Người	81.479	84.389	86.104	90.207	89.012
- Dịch vụ	Người	214.003	222.258	230.866	244.026	251.012
2. Cơ cấu sử dụng LĐ	%	100	100	100	100	100
- Nông - lâm - ngư nghiệp	%	69,03	68,75	68,49	68,11	69,01
- Công nghiệp - xây dựng	%	8,54	8,60	8,56	8,61	7,78
- Dịch vụ	%	22,43	22,65	22,95	23,28	23,21

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk)

2.1.4. Điều kiện hạ tầng các KCN, CCN

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có 01 KCN, và 8 CCN đang vừa xây dựng hạ tầng vừa hoạt động với tổng diện tích 737 ha.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong KCN, CCN năm 2013: Tổng doanh thu ước tính 5.100 tỷ đồng, giảm 21,3% so với năm 2012. Giá trị xuất khẩu ước đạt khoảng 450 tỷ đồng, giảm 33% so với năm 2012. Sản lượng các mặt hàng chính gồm có: gas chiết nạp, nước uống đóng chai, trang phục xuất khẩu, sản xuất gỗ, lâm sản, giấy... Tổng số lao động hiện có tại KCN, CCN là 4.720 lao động, giảm 309 lao động so với năm 2012.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Phát triển về quy mô sản xuất công nghiệp

Bảng 2.4: Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp qua các năm

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
- QD TW	4	4	4	4	4	4	4
- QD địa phương	4	4	4	4	4	4	4
- NQD gồm:							
+ DNTN, Cty TNHH, CP	198	220	267	270	272	303	312
+ HTX	63	61	61	61	61	61	61
+ Hộ cá thể	7,509	8,046	8,367	8,697	8,793	9,088	9138
- ĐTNN	1	1	4	1	4	5	5

(Nguồn: Sở Công Thương Tỉnh Đắk Lắk)

Tính đến cuối năm 2014 số doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm đa số trong tất cả các loại hình công nghiệp ở Đắk Lắk. Sự gia tăng số lượng các doanh nghiệp ngoài nhà nước là một trong những nhân tố tích cực giúp cho kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ phát triển cao trong những năm vừa qua. Điều này đang chứng tỏ kinh tế ngoài quốc doanh phát triển theo đúng định hướng phát triển ở địa phương.

Số lượng các cơ sở sản xuất ngành công nghiệp chế biến tăng dần qua các năm, chiếm tỷ lệ lớn so với các ngành công nghiệp khác. Cụ thể năm 2008 chỉ có 7538 cơ sở đến năm 2014 là 9230 cơ sở, tăng 18,33%. Ngành công nghiệp khai thác tăng 58 cơ sở, trong khi ngành công nghiệp điện nước, khí đốt tăng giảm không ổn định qua các năm. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến chiếm khoảng 96% trong tổng số ngành công nghiệp.

Bảng 2.5: Số lượng các cơ sở sản xuất phân theo ngành công nghiệp

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
CN khai thác	196	215	217	225	234	240	254
CN chế biến	7.538	8.080	8.453	8.774	8.865	9.184	9.230
CN điện, nước, khí đốt	45	41	37	38	39	41	40
Tổng Số CSSX CN	7.779	8.336	8.707	9.037	9.138	9.465	9.524

(Nguồn: Sở Công Thương Tỉnh Đắk Lắk)

Đắk Lắk là tỉnh có diện tích cà phê lớn nhất cả nước, thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột đã được khẳng định. Kết quả sản xuất kinh doanh cây cà phê đã đóng góp trên 40% GDP của tỉnh và khoảng 1/4 số dân của tỉnh sống nhờ vào việc sản xuất, kinh doanh cà phê. Từ nay đến năm 2020 cây cà phê vẫn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.2.2. Gia tăng giá trị sản lượng ngành công nghiệp

Giai đoạn 2008 - 2014, công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc tạo ra thu nhập cho nền kinh tế cũng như góp phần nâng cao và ổn định cuộc sống cho nhân dân. Điều này được thể hiện qua sự đóng góp của ngành công nghiệp vào tỷ trọng GDP của nền kinh tế.

Bảng 2.7: GTSX công nghiệp theo giá so sánh 2010 phân theo ngành công nghiệp

Thành phần công nghiệp	2010	2011	2012	2013	2014	Tốc độ tăng BQ 2008-2014 (%)
Tổng cộng (theo giá so sánh năm 2010)	9.011	9.875	10.252	10.567	10.970	14,96
- CN Khai thác	300	280	318	325	342	1,57
- CN Chế biến	6.909	7.623	7.980	8.310	8.646	13,91
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	1.802	1.973	1.954	1.932	1.982	25,47

(Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk)

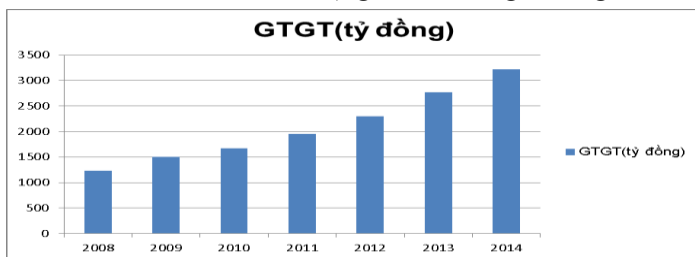
Công nghiệp chế biến vẫn là ngành sản xuất chủ yếu và chiếm tỷ trọng cao. Tạo ra hầu hết giá trị sản xuất cho ngành công nghiệp của tỉnh. Mức tăng trưởng hàng năm của ngành này cũng ở mức cao. Giai đoạn năm 2008-2014 tăng gấp đôi, năm 2008 giá trị sản xuất công nghiệp chế biến đạt 4.350 tỷ đồng thì năm 2014 tăng lên gấp 2 lần đạt 8.646 tỷ đồng, và có mức tăng ổn định qua từng năm.

Bảng 2.8: Giá trị gia tăng ngành công nghiệp giai đoạn 2008-2014

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
GDP	27684	30347	32562	34524	36298
GTGT (tỷ đồng)	1667	1954	2300	2770	3220
Mức tăng	163	287	346	470	450
Tốc độ tăng	10,84%	17,22%	17,71%	20,43%	16,25%

(Nguồn: Sở Công Thương Tỉnh Đắk Lắk)



Hình 2.1: Biểu đồ GTGT ngành công nghiệp 2008-2014

Chất lượng tăng trưởng công nghiệp là mục tiêu hàng đầu trong phát triển công nghiệp là điều cần thiết để đạt được những mục tiêu đề ra.

Chỉ tiêu này phản ánh chất lượng tăng trưởng công nghiệp của tỉnh. Nhìn chung, mức độ phát triển công nghiệp của tỉnh khá ổn định, cả giai đoạn 2008-2014 tỷ lệ VA/GO trung bình gần 22%.

Bảng 2.9: Tỷ trọng GTGT/GTSX ngành công nghiệp qua các năm

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
GTSX(tỷ đồng)	5,273	6,873	9,011	9,875	10252	10567	10970
GTGT(tỷ đồng)	1234	1504	1667	1954	2300	2770	3220
GTGT/GTSX	23.40%	21.88%	18.50%	19.79%	22.43%	26.21%	29.35%

(Nguồn: Sở Công Thương Tỉnh Đắk Lắk)

2.2.3. Quy mô các yếu tố sản xuất

a. Vốn

Trong giai đoạn 2008 - 2014, nguồn vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp liên tục tăng qua các năm. Bên cạnh nguồn vốn NSNN,

các nguồn vốn khác như: vốn tự có của DN, vốn của tổ chức DN, tiết kiệm của dân cư, vốn vay, vốn FDI và các nguồn vốn khác được huy động và sử dụng có hiệu quả. Nếu xét theo thành phần kinh tế thì vốn đầu tư trong nước (vốn khu vực Nhà nước và vốn khu vực ngoài Nhà nước) chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng số vốn đầu tư vào ngành công nghiệp của tỉnh, thậm chí năm 2009, 2010 và 2011 thì vốn đầu tư trong nước chiếm tỷ trọng 100%.

Bảng 2.10: Vốn đầu tư ngành công nghiệp giai đoạn 2008-2014

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số	2.763,98	4.120,06	3.707,81	3.312,6	3.813,52	3.927,59	4.159,75
1. Vốn khu vực Nhà nước	1.023,26	1.495,17	1.234,76	1.176,03	1.137,26	1.090,63	1.142,30
- Vốn NSNN	320,3	402,11	467,17	306,34	384,29	298,48	314,22
- Vốn tự có của DNNN	397,28	590,69	471,25	455,23	235,73	251,73	251,74
- Vốn vay và huy động khác	305,68	502,37	296,34	414,46	517,24	540,42	576,34
2. Vốn khu vực ngoài Nhà nước	1.630,92	2.624,89	2.473,05	2.136,57	2.171,73	2.240,2	2.349,67
- Vốn của DN ngoài quốc doanh	586,59	950,49	874,95	660,77	701,42	657,03	693,44
- Tiết kiệm của dân cư	1.044,33	1.674,4	1.598,1	1.475,8	1.470,31	1.583,17	1.656,23
3. Vốn ngoài nước	109,8	-	-	-	504,53	596,76	667,78
- Vốn FDI	109,8	-	-	-	504,53	596,76	667,79

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)

b. Lực lượng lao động

Số lượng lao động làm việc trong ngành công nghiệp tăng đều qua các năm từ 32.144 người năm 2008 đã tăng lên 50.983 người năm 2014, như vậy đã tăng gấp 1,5 lần. Trong đó, lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ lệ lớn nhất, trên 85% tổng số lao động ngành công nghiệp; lao động làm việc trong ngành

công nghiệp khai khoáng và Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước chiếm tỷ lệ rất nhỏ, tốc độ tăng trưởng tương đối chậm.

*Bảng 2.11. Số lượng lao động ngành công nghiệp
giai đoạn 2008-2014*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số	32.144	37.392	46.833	47.706	48.526	50.103	50.983
- CN khai khoáng	1.158	1.180	1.208	1.241	1.279	1.324	1.398
- CN chế biến	27.681	33.058	42.121	42.892	43.622	44.978	45.652
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	3.305	3.154	3.504	3.573	3.625	3.801	3933

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk)

2.2.4. Chuyển dịch cơ cấu trong công nghiệp

a. Cơ cấu theo ngành sản xuất

Giá trị sản xuất các ngành công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất điện, khí đốt và nước có xu hướng tăng lên qua các năm. Đắk Lắk là tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp chế biến từ nhiều cây công nghiệp có giá trị kinh tế; do đó, công nghiệp chế biến luôn đóng góp một tỷ lệ rất lớn trong tổng giá trị sản xuất.

*Bảng 2.13 Cơ cấu sản xuất phân theo ngành công nghiệp
(Tính theo giá cố định 2010)*

Đơn vị: %

Thành phần Công nghiệp	2010	2011	2012	2013	2014
- CN Khai thác	3,3	2,8	3,1	3,1	3,1
- CN Chế biến	76,7	77,2	77,8	78,6%	78,8
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	20,0	20,0	19,1	18,3	18,1
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Niên giám thống kê và sở công thương tỉnh Đắk Lắk)

Ngành công nghiệp khai thác: giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai thác không tạo được đột phá, nếu năm 2008 giá trị sản xuất là 301 tỷ đồng thì đến năm 2014 chỉ đạt 342 tỷ đồng. Chiếm tỷ trọng

không cao, cụ thể năm 2010 chiếm 3,3% đến năm 2014 chỉ còn 3,1%.

b. Cơ cấu theo thành phần kinh tế

Bảng 2.14: GTSX công nghiệp phân theo thành phần kinh tế

Thành phần kinh tế	2010	2011	2012	2013	2014	Tốc độ tăng BQ (%)
Tổng cộng (theo giá so sánh 2010)	9.011	9.875	10.252	10.567	10970	14,92
- Nhà nước	2.634	2.611	2.566	2.537	2.502	24,68
- Ngoài Nhà nước	6.281	7.100	7.372	7.705	8.112	11,88
- Đầu tư nước ngoài	96	164	314	325	356	56,16

(Nguồn: Sở công thương tỉnh Đắk Lắk)

Khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước là hai khu vực kinh tế quan trọng nhất, có giá trị sản xuất cao nhất trong ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong suốt nhiều năm qua. Nếu năm 2008 giá trị sản xuất công nghiệp khu vực Nhà nước đạt 842 tỷ đồng, khu vực ngoài Nhà nước đạt 4.396 tỷ đồng thì đến năm 2014 giá trị sản xuất công nghiệp khu vực Nhà nước tăng thêm 1.660 tỷ đồng, đạt 2.502 tỷ đồng, khu vực ngoài Nhà nước đạt 8.112 tỷ đồng. Đạt được điều này là do trong những năm vừa qua tỉnh Đắk Lắk có những cơ chế, chính sách hợp lý tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi thúc đẩy khu vực này phát triển.

c. Cơ cấu theo lãnh thổ

Bảng 2.15. Cơ cấu công nghiệp theo vùng

Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013	2014
TP. Buôn Ma Thuột	4587	4880	5039	5043	5213	5224
Huyện : Ea H'leo	160	156	178	184	188	190
Huyện : Ea Súp	122	143	153	154	162	169
Huyện : Krông Năng	225	211	260	266	290	292
Huyện : Krông Búk	342	319	310	326	331	334
Huyện : Buôn Đôn	213	246	248	257	265	270

Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Huyện : Cư M'Gar	639	589	530	542	546	548
Huyện : Ea Kar	325	357	360	373	376	380
Huyện : M'Đrăk	186	190	220	222	235	236
Huyện : Krông Pắc	167	159	178	181	196	198
Huyện : Krông Bông	122	110	158	165	180	183
Huyện : Krông ANa	289	270	285	291	308	312
Huyện : Lắk	220	248	235	244	253	258
Huyện : Cư Kuin	318	396	405	416	430	436
Thị xã : Buôn Hồ	421	433	478	474	492	494

(Nguồn: *Sở Kế Hoạch Đầu Tư, Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk*)

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì thành phố Buôn Mê Thuột là nơi có nhiều cơ sở công nghiệp cá thể nhất, nơi này có cơ sở hạ tầng tốt nhất của tỉnh, thuận lợi về giao thương, buôn bán. Số cơ sở công nghiệp năm 2009 là 4587 cơ sở, năm 2014 là 5224 cơ sở. Cùng với đó thì có các huyện như Cư Mgar, Buôn Hồ, Krông Buk cũng có nhiều các doanh nghiệp nổi trội hơn so với các huyện khác, một phần là do các huyện này nằm trên trục đường quốc lộ, gần thành phố, bên cạnh đó do đặc điểm của vùng có nhiều dân cư, kinh tế phát triển, có thế mạnh về các cây công nghiệp lâu năm.

2.2.5. Đổi mới khoa học công nghệ trong sản xuất

Thời gian qua, tỉnh đã có nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ DN vượt qua khó khăn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh. Cụ thể, ngày 17-1-2014, UBND tỉnh có Quyết định 176/QĐ-UBND phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá của DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020” với tổng kinh phí gần 65 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 23,8 tỷ đồng. Dự án sẽ xây dựng các mô hình điểm về năng suất, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng; hỗ trợ DN đổi mới, cải tiến dây chuyền công nghệ thiết bị ít tiêu hao năng lượng, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Bên

cạnh đó, giai đoạn 2008-2014, đã triển khai các đề tài KHCN có sự tham gia của DN với tổng kinh phí hơn 11 tỷ đồng.

2.2.6. Phát triển thị trường công nghiệp

a. Thị trường các yếu tố đầu vào

b. Thị trường tiêu thụ

Là tỉnh nằm ở trung tâm Tây Nguyên, Đắk Lắk có thuận lợi lớn về vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến xuất khẩu, phát triển kinh tế đa dạng và khả năng hợp tác đầu tư trong và ngoài nước.

Bảng 2.16: Kinh ngạch xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp

Năm	Đvt	2010	2011	2012	2013	2014
Giá trị KNXK	Tr.USD	620	769	700	650	750
- Cà phê	Tấn	350,000	289,417	305,366	250,000	300,000
- Cà phê hòa tan	"			1,113	1,600	2,500
- Cao su	"	13,000	9,418	9,352	7,000	7,000
- Tiêu	"	7,000	6,840	3,900	5,000	5,000
- Điều	"	500	315	396	800	500
- Tinh bột sắn	"	40,000	51,791	85,432	50,000	50,000
- SP từ ong mật	"	7,500	9,400	5,527	7,000	6,000
- Gỗ	Tr.USD	4	3	3	1	4

(Nguồn: Sở công thương tỉnh Đắk Lắk)

Nhiều năm trở lại đây, Đắk Lắk luôn là một trong những tỉnh có kim ngạch xuất khẩu (XK) cao trong cả nước. Giá trị kinh ngạch xuất khẩu tăng giảm không ổn định qua các năm, vì các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh như cà phê tiêu điều, cao su, ong mật phụ thuộc vào nhiều yếu tố như môi trường, năng xuất qua các năm, tình hình giá cả của thế giới. Giai đoạn 2008-2014 tăng 26,7 triệu USD, cụ thể là năm 2014 có kim ngạch xuất khẩu đạt 750 triệu USD.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Thành công

Giai đoạn 2008-2014, trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trước ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới 2009, nhưng nhờ các giải pháp vĩ mô của nhà nước, sự điều hành linh

hoạt của chính quyền địa phương, sự nỗ lực của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nên sản xuất công nghiệp đạt được nhiều thành tựu khả quan.

Việc quy hoạch và phát triển Cụm, khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh. Các Cụm, khu công nghiệp đang trong giai đoạn lập quy hoạch.

2.3.2. Hạn chế

Tuy số lượng các doanh nghiệp tăng lên hàng năm, nhưng chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghệ còn lạc hậu. Năng lực tài chính của doanh nghiệp, hộ sản xuất còn yếu. Thiếu vốn sản xuất, gặp trở ngại trong quá trình vay vốn. Khả năng tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp hạn chế. Thông tin thị trường nắm bắt chậm nên gặp ứng phó không tốt, khó khăn trước sự tác động của thị trường.

Kết cấu hạ tầng phục vụ công nghiệp tuy có đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, đặc biệt là tiến độ quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp còn chậm, ảnh hưởng ít nhiều đến việc xúc tiến đầu tư và mời gọi đầu tư.

Các cụm công nghiệp được ưu tiên đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp nhưng số lượng các cơ sở sản xuất chưa như mong muốn. Công nghệ cũ, các doanh nghiệp ít chú trọng vào công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật vì thiếu vốn kinh doanh nên việc bỏ tiền đầu tư nghiên cứu cải tiến công nghệ chưa được xem xét, nên năng suất chưa cao. Sản phẩm tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa đảm bảo, chưa đa dạng về mẫu mã, kích cỡ.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Một số nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại trong phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk là:

- *Nguyên nhân khách quan*

- Xuất phát điểm về kinh tế của tỉnh Đắk Lắk thấp, tốc độ tăng trưởng chậm, thu nhập bình quân đầu người thấp so với mặt bằng

chung của cả nước làm cho nguồn thu NSNN nhỏ, không tự cân đối được NSNN mà phải nhờ số vốn bổ sung từ NSTW nên phần vốn dành cho đầu tư phát triển công nghiệp từ kênh NSNN là rất hạn chế.

- Cuộc suy thoái toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam, làm cho tăng trưởng kinh tế suy giảm, vốn đầu tư nước ngoài hạn hẹp, lạm phát tăng cao, sản xuất công nghiệp lao đao, hàng tồn kho lớn... Điều này làm cho hoạt động công nghiệp tỉnh Đắk Lắk gặp nhiều khó khăn.

- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các địa phương trong việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước vào ngành công nghiệp, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay, bằng cách đưa ra nhiều chính sách ưu đãi, hấp dẫn các nhà đầu tư .

• *Nguyên nhân chủ quan*

- Sự phối hợp trong quản lý và đầu tư vào ngành công nghiệp của các cơ quan chức năng có liên quan chưa thật sự tích cực và hiệu quả, cách tổ chức quản lý vẫn còn chồng chéo, nặng về hình thức và thủ tục. Điều này làm cho các cơ chế, chính sách khuyến đầu tư phát triển công nghiệp không phát huy hết hiệu quả, chưa tạo được sức hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Các hoạt động kinh tế còn nặng về phát triển quy mô; khai thác tài nguyên, sản xuất và trao đổi sản phẩm thô, chưa chú trọng việc đầu tư chiều sâu, dài hạn, đầu tư công nghệ, thiết bị mới để sản xuất hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao.

- Ngoài ra, một nguyên nhân gây cản trở đối sự phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đó là trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng lao động cũng như đội ngũ quản lý còn nhiều hạn chế, số lao động chưa qua đào tạo còn lớn, chưa đáp ứng yêu cầu.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. CƠ SỞ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

3.1.1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước

3.1.2. Mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a. Mục tiêu phát triển công nghiệp

➤ *Mục tiêu chung*

Công nghiệp phát triển nhanh và bền vững trở thành động lực thúc đẩy các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, xây dựng, dịch vụ phát triển theo, đưa Đắk Lắk trở thành một tỉnh công nghiệp, cùng cả nước cơ bản đến đích công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2020.

➤ *Mục tiêu cụ thể*

Một trong những mục tiêu quan trọng nhất là đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người vượt mức 2.700 USD/người (theo giá thực tế) và tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP tỉnh phần đầu đạt khoảng 33%.

b. Định hướng phát triển công nghiệp

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

3.2.1. Phát triển về quy mô sản xuất của ngành công nghiệp

Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất ở tất cả các qui mô, chú trọng đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến để sản phẩm đủ sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập và bảo vệ môi trường.

Phát huy lợi thế về nguồn nguyên liệu, khả năng sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh đáp ứng nhu cầu thị trường. Tạo được những sản phẩm công nghiệp có hiệu quả kinh tế, giá trị gia tăng lớn,

phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; khai thác tiềm năng tài nguyên, tạo ra sản phẩm phong phú, đa dạng, đồng thời có tác động phát triển các ngành khác.

3.2.2. Gia tăng giá trị sản lượng và VA

Từng bước điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chủ yếu dựa trên số lượng sang dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp; tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí, hóa chất, điện tử viễn thông phục vụ sản xuất công nghiệp.

Đồng thời tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu; tăng cường phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phát triển các ngành công nghiệp theo hướng kết hợp mô hình liên kết ngang và liên kết dọc; điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp.

Đầu tư, quảng bá Trung tâm triển lãm, xúc tiến thương mại ngành công nghiệp để hỗ trợ việc giao lưu, quảng bá thương, gắn kết các hoạt động thương mại với các hoạt động sản xuất thủy sản và các hoạt động giao thương quốc tế.

3.2.3. Gia tăng quy mô nguồn lực

• Nguồn vốn

Các nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước. Theo quy định hiện nay của Tỉnh, nguồn vốn ưu đãi phục vụ cho dự án, công trình sản xuất, chế biến sản phẩm mới, sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho mục đích chung. Do vậy, các doanh nghiệp cần tranh thủ tận dụng nguồn vốn này để đầu tư, phát triển các loại sản phẩm, mặt hàng mới.

• Nguồn nhân lực

Trong điều kiện khó khăn và thực trạng nguồn nhân lực của tỉnh như hiện nay, việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao để đáp ứng nhu

cầu của nhà đầu tư là nhiệm vụ cấp thiết nhằm nâng cao tính hấp dẫn của Đắc Lắc trong mắt các nhà đầu tư. Đặc biệt, trong quá trình phát triển công nghiệp, nhất là phát triển công nghiệp nặng thì cần đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Vì vậy, để tạo nguồn nhân lực cho quá trình phát triển trong thời gian tới, tỉnh cần tập trung thực hiện:

Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức liên quan đến công tác đầu tư, đảm bảo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng

3.2.4. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành

Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh để định hướng cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư. Tập trung phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh, có thương hiệu. Tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ thông tin thị trường,... đối với doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực khuyến khích phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn, truyền thống, phát triển các mặt hàng có tiềm năng, có tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao. Từng doanh nghiệp phải khẩn trương đổi mới để tăng sức cạnh tranh; xúc tiến thương mại về đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu.

3.2.5. Nâng cao trình độ khoa học công nghệ

- Đầu tư công nghệ phù hợp và hiệu quả. Hiện nay các doanh nghiệp sử dụng công nghệ chưa cao trong khai thác và chế biến sản phẩm có chất lượng, chưa đáp ứng được các khách hàng khó tính (như thị trường Nhật, Mỹ,...). Do đó, các doanh nghiệp cần ứng dụng các công nghệ khai thác và chế biến sản phẩm mà hiện nay thị trường đang ưa chuộng.

- Đổi mới công nghệ theo hướng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Khi các doanh nghiệp đã đạt được các

tiêu chuẩn chất lượng này thì thương hiệu sẽ được nâng lên,... Vì vậy, đạt được tiêu chuẩn chất lượng ISO sẽ giúp cho các sản phẩm của doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh, dễ dàng xâm nhập vào các thị trường mới và sớm hoà nhập với tiêu chuẩn chung của thế giới.

3.2.6. Giải pháp về phát triển thị trường

- Đảm bảo cung ứng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp
- Xây dựng vùng nguyên liệu cung ứng cho sản xuất công nghiệp
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Hỗ trợ kinh phí đào tạo, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm công nghiệp, cung cấp thông tin về các thủ tục đăng kí thương hiệu trong và ngoài nước cho các sản phẩm đã có thị phần và các sản phẩm sắp thâm nhập thị trường (đưa vào chương trình xây dựng thương hiệu hằng năm đối với các ngành công nghiệp ưu tiên như dệt, may, chế biến). Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng.

Xúc tiến đầu tư: hằng năm nên tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghệ để giới thiệu các sản phẩm của địa phương,

Thúc đẩy liên kết trong công nghiệp bằng cách nên thành lập 1 hiệp hội tư vấn về các vấn đề giá cả, tình hình thị trường, là nguồn cung cấp thông tin đáng tin cậy cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp chủ động hơn khi gặp biến động xấu thị trường.

3.2.7. Các giải pháp khác

• Phát triển công nghiệp hỗ trợ

Phát triển công nghiệp hỗ trợ để thúc đẩy tăng nhanh tỷ trọng giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp và góp phần thúc đẩy các ngành công nghiệp chính yếu phát triển và ngược lại. Cần phải quy hoạch đầu tư các khu, cụm công nghiệp theo chuyên ngành để phát triển công nghiệp hỗ trợ dựa trên đặc điểm và nhu cầu; ưu tiên hàng đầu công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí, lắp ráp ô tô; tiếp đến là ngành dệt, may, da giày, sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử. Khuyến khích

các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, áp dụng hình thức quản lý tiên tiến - sản xuất sạch hơn; xây dựng các thương hiệu nội địa mạnh

• **Xúc tiến đầu tư phát triển công nghiệp**

Cho dù các nhà đầu tư có những dấu ấn nhất định về tiềm năng phát triển công nghiệp của Đắk Lắk mà công tác xúc tiến nếu chỉ dựa vào cách làm hiện nay, chủ yếu thông qua các hội nghị, hội thảo... thì vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Do đó, để thu hút được những dự án đầu tư quy mô lớn, có tiềm lực về công nghệ, thương hiệu mạnh... nhằm góp phần cải thiện cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp của tỉnh và nâng cao chất lượng phát triển, công tác xúc tiến đầu tư cần được đầu tư và đổi mới cả về hình thức và nội dung.

KẾT LUẬN

Phát triển công nghiệp là yêu cầu bức thiết trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Những năm qua cho thấy, công nghiệp ngày càng khẳng định vai trò to lớn của mình trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế xã hội của tỉnh, là ngành có tốc độ phát triển nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra giá trị thu nhập lớn.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển công nghiệp tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế làm kìm hãm sự phát triển; quy mô sản xuất công nghiệp của tỉnh còn nhỏ bé so với các địa phương khác trong cả nước, năng lực cạnh tranh chưa cao, lực lượng lao động tham gia vào khu vực công nghiệp còn ít, trình độ lao động thấp, công nghệ sản xuất còn đơn giản, sản phẩm làm ra chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa hấp dẫn người tiêu dùng nên khả năng chiếm lĩnh thị trường thấp.

Do đó trong thời gian để công nghiệp tỉnh Đắk Lắk phát triển theo kịp với nhịp độ của cả nước và khu vực đòi hỏi sự quan tâm hơn nữa của các nhà quản lý, sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp đã đề ra.

Để công nghiệp tỉnh Đắk Lắk phát triển với tốc độ nhanh và bền vững thì trong thời gian tới tỉnh cần chú trọng khai thác các tiềm năng, lợi thế của mình nhất là lợi thế về vị trí địa lý, giao thông để phục vụ cho nhu cầu phát triển. Tập trung huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng, có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề chuyên môn cao, cải tiến và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp hỗ trợ. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, phát triển đô thị và dịch vụ, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.